

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1058/2019/DS-PT

Ngày: 20/11/2019

V/v “Tranh chấp chia di sản thừa kế
và chia tài sản chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Trần Thị Lệ Uyên**

2/ Bà **Ngô Thị Kim Khánh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Trọng Long** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/11/2019 và ngày 20/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 470/2018/TLPT-DS ngày 02/10/2018 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế và chia tài sản chung”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 431/2014/DS-ST ngày 11/8/2014 của Tòa án nhân dân Quận G bị kháng cáo và Quyết định giám đốc thẩm số 230/2018/DS-GĐT ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 1524/2014/DS-PT ngày 03/12/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4210/2019/QĐ-PT ngày 16/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 8418/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Đ1**, sinh năm 1940

Địa chỉ: 91/26 Đường N4, phường 07, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Ngô Minh Đ2**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số 01 Đường S, phường 2, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 19/5/2014).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trương**

Đình T1 – Luật sư Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Dương Văn Đ3**, sinh năm 1931, chết ngày 14/9/2016.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ3:

1. Ông **Dương Hoàng V**, sinh năm 1971
2. Ông **Dương Hoàng Đ4**, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: số 91/24/1 Đường N4, phường 7, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Dương Thị L**, sinh năm 1928

Người đại diện hợp pháp của bà L: Ông **Nguyễn Bá T2**

Cùng địa chỉ: số 91/24/1 Đường N4, phường 7, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Dương Văn Q**, sinh năm 1946

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Dương Văn T3**, sinh năm 1932

Địa chỉ: số 91/24/1 Đường N4, phường 7, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông **Dương Hoàng V**, sinh năm 1971

5. Ông **Dương Hoàng Đ4**, sinh năm 1973

6. Bà **Châu Thị P**, sinh năm 1976

7. Bà **Hà Thị Đ5**, sinh năm 1972

8. Bà **Dương Hà Quỳnh N**, sinh năm 1996

9. Ông **Dương Tuấn N2**, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: số 91/24/1 Đường N4, phường 7, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Dương Văn Đ3 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn ông Ngô Minh Đ2 trình bày:

Cha mẹ bà Dương Thị Đ1 là ông Dương Văn T4 (chết năm 1946) và bà Trần Thị N3 (chết năm 2001). Ông T4 – bà N3 có 05 người con chung gồm: Dương Thị L, Dương Văn Đ3, Dương Văn T3, Dương Thị Đ1, Dương Văn Q.

Lúc sinh thời, ông T4 – bà N3 có tạo lập tài sản là căn nhà đất số 147/13A Đường N4, phường 7, Quận G. Lúc chết ông bà không để lại di chúc.

Năm 2003, căn nhà đất nêu trên được tách ra làm 02 căn là nhà đất số 105/26/1 Đường N4, phường 7, Quận G và nhà đất số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G. Hai căn nhà sau khi tách ra đều đã được UBND Quận G cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do ông Dương Văn Đ3 đại diện đứng tên khai trình.

Vào ngày 19/02/2004, các đồng thừa kế gồm ông Đ3, bà Đ1, bà L, ông T3, ông Q đã thỏa thuận phân chia xong căn nhà số 105/26/1 Đường N4, phường 7, Quận G, còn căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G các ông bà chưa chia. Nay bà Đ1 khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G; phần bà Đ1 được nhận là 1/5 giá trị đất tại căn nhà trên, không yêu cầu chia giá trị phần xây dựng nhà. Bà đồng ý kết quả theo biên bản định giá ngày 20/5/2011 với giá trị đất là 2.584.570.000 đồng.

Đại diện bị đơn ông Dương Hoàng V trình bày:

Xác nhận cha mẹ ông Dương Văn Đ3 là ông T4 và bà N3 có 05 người con, lúc chết để lại di sản là 02 căn nhà như phía nguyên đơn trình bày. Hai căn nhà này đã được xác lập thừa kế năm 2003 do ông Đ3 là đại diện khai trình và đến năm 2004 các đồng thừa kế tiến hành phân chia tài sản chung là căn nhà số 105/26/1 Đường N4, phường 7, Quận G. Mặc dù hai căn nhà 105/26/1 và 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G đã được xác lập quyền sở hữu vào năm 2003 và cả hai căn đều do ông Đ3 đứng tên đại diện thừa kế của ông T4 và bà N3 nhưng do tất cả các đồng thừa kế đều ngầm hiểu căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G là thuộc sở hữu riêng của cá nhân ông Đ3 nên khi chia căn nhà số 105/26/1 Đường N4, phường 7, Quận G không có phần chia của ông Đ3, điều này thể hiện ở biên bản thỏa thuận ngày 19/02/2004 tại UBND phường 7, Quận G tất cả các đồng thừa kế đều không đề cập đến căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G. Vì trước khi thỏa thuận này, bà Đ1 đã được cha mẹ cho một phần diện tích đất, ông Q đã được ông Đ3 cho tiền để mua đất cất nhà cách căn nhà này khoảng 05 căn, bà L thì đã sống riêng với bên nhà chồng, do đó chỉ có ông Đ3 là chưa có phần nào nên các đồng thừa kế đã thống nhất để cho ông Đ3 căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G.

Do thiếu hiểu biết pháp luật nên trong biên bản thỏa thuận ông Đ3 không đề nghị các đồng thừa kế phải thể hiện phần ông được chia là căn nhà 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G trong khối di sản này. Mặc dù ông Đ3 biết căn nhà 105/26/1 Đường N4, phường 7, Quận G là di sản của cha mẹ để lại ông sẽ được hưởng 01 phần nhưng vì ông Đ3 đã xác định căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G là của ông nên ông không yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà số 105/26/1. Trong biên bản thỏa thuận ngày 19/02/2004, mỗi đồng thừa kế đều có 01 phần trong căn nhà 105/26/1 Đường N4, phường 7, Quận G, ông

Đ3 không có phần nào vì các đồng thừa kế đã ngầm hiểu phần của ông Đ3 là được căn nhà 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G. Ông Đ3 không nghĩ sẽ bán căn nhà này nên không tiến hành làm các thủ tục để xác lập quyền sở hữu cho cá nhân ông.

Bà Đ1 yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G cho các đồng thừa kế, ông Đ3 không đồng ý vì đây là tài sản thuộc sở hữu của ông. Về kết quả định giá nhà đất ngày 20/5/2011 ông không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đại diện bà Dương Thị L trình bày: Xác nhận cha mẹ bà Dương Thị L là ông T4 và bà N3 có 05 người con, lúc chết để lại di sản là 02 căn nhà như phía nguyên đơn trình bày. Bà L thống nhất với phần trình bày của bà Đ1, thống nhất chia căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G cho các đồng thừa kế, bà L nhận 1/5 giá trị đất tại căn nhà trên, không yêu cầu chia giá trị xây dựng nhà. Bà L thống nhất giá trị đất là 2.584.570.000 đồng theo biên bản định giá ngày 20/5/2011.

2. Ông Dương Văn Q trình bày: Xác nhận cha mẹ ông là ông T4 và bà N3 có 05 người con, lúc chết để lại di sản là 02 căn nhà như phía nguyên đơn trình bày. Ông thống nhất với phần trình bày của bà Đ1, thống nhất chia căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G cho các đồng thừa kế, ông nhận 1/5 giá trị đất tại căn nhà trên, không yêu cầu chia giá trị xây dựng nhà. Ông thống nhất giá trị đất là 2.584.570.000 đồng theo biên bản định giá ngày 20/5/2011.

3. Ông Dương Văn T3 trình bày: Ông là con của ông T4 và bà N3, ông xác nhận cha mẹ ông có 05 người con như nguyên đơn trình bày. Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông không có ý kiến, ông đề nghị Tòa chia theo quy định của pháp luật, nếu theo quy định pháp luật ông được chia bao nhiêu thì ông nhận bấy nhiêu, còn không được hưởng ông cũng chấp nhận và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác

4. Ông Dương Hoàng V trình bày: ông thống nhất với ý kiến ông Đ3, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

5. Bà Hà Thị Đ5 trình bày: bà có cùng ý kiến với ông Dương Hoàng V, nếu sau này có phát mãi nhà thì bà không đồng ý chuyển ra khỏi nhà.

6. Ông Dương Hoàng Đ4 trình bày: Việc Tòa án giải quyết chia tài sản chung ông không có ý kiến, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, nếu sau này có phát mãi nhà thì ông không đồng ý.

7. Bà Châu Phi P trình bày: Bà có cùng ý kiến với ông Dương Hoàng Đ4.

8. Chị Dương Hà Quỳnh N, anh Dương Tuấn N2 trình bày: Anh chị có cùng ý kiến với ông Dương Hoàng V.

Vụ án tranh chấp “Chia di sản thừa kế và chia tài sản chung” giữa các đương sự đã được xét xử tại các bản án sau:

Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2012/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2012. Bị đơn kháng cáo.

Tòa án nhân dân TP.HCM xét xử phúc thẩm tại Bản án số 948/2012/DS-PT ngày 16 tháng 8 năm 2012. Tuyên xử: Hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho TAND quận G xét xử lại do vi phạm thủ tục tố tụng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 431/2014/DS-ST ngày 11/8/2014 của Tòa án nhân dân Quận G đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn bà Dương Thị Đ1.

1. Xác định căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G là tài sản chung của các ông bà Dương Thị Đ1, Dương Văn Đ3, Dương Thị L, Dương Văn Q, Dương Văn T3.

2. Ông Dương Văn Đ3 có trách nhiệm hoàn lại tiền cho bà Dương Thị Đ1, Dương Thị L, Dương Văn Q, Dương Văn T3 mỗi người 516.914.000 đồng tương đương trị giá 1/5 căn nhà. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Ông Dương Văn Đ3 được xác lập sở hữu căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G (theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7210/2003 ngày 24/6/2003 của UBND Quận G cấp cho ông Dương Văn Đ3 là đại diện thừa kế của ông Dương Văn T4 và bà Trần Thị N3) sau khi đã thanh toán đủ số tiền nêu trên cho các ông bà Dương Thị Đ1, Dương Thị L, Dương Văn Q, Dương Văn T3.

Quá thời hạn nêu trên mà ông Đ3 không giao cho các ông bà Dương Thị Đ1, Dương Thị L, Dương Văn Q, Dương Văn T3 mỗi người là 516.914.000 đồng tương đương 1/5 trị giá căn nhà thì bà L, ông Q, ông T3, bà Đ1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, quận G. Bà Dương Thị Đ1, bà Dương Thị L, ông Dương Văn T3, ông Dương Văn Q, ông Dương Văn Đ3 mỗi người được nhận 1/5 số tiền phát mãi nhà sau khi đã khấu trừ thuế, lệ phí, chi phí phát mãi.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền lãi nếu bên phải thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tiền án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/8/2014, ông Dương Hoàng V đại diện bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Lý do năm 2004 ông Đ3 đã phân chia một phần ngôi nhà, chỉ để lại một phần nhà để ở và thờ cúng tổ tiên, việc phân chia này có sự đồng thuận của 05 anh chị em trong gia đình. Ông không đồng ý chia phần nhà còn lại hiện gia đình ông đang ở.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 1524/2014/DS-PT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử: Không chấp nhận

yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn Đ3. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 431/2014/DSST ngày 11/8/2014 của Tòa án nhân dân quận G.

Ngày 12/11/2015, ông Dương Văn Đ3 (do ông Dương Hoàng V đại diện theo ủy quyền) có đơn đề nghị xem xét bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 333/2017/KN-DS ngày 03/11/2017, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm lại.

Quyết định giám đốc thẩm số 230/2018/DS-GĐT ngày 29/6/2018 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Chấp nhận Kháng nghị số 333/2017/KN-DS ngày 03/11/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 1524/2014/DS-PT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G là di sản của cha mẹ để lại chưa chia, phần giá trị xây dựng nhà là của ông Đ3 nguyên đơn không tranh chấp chỉ yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất cho 05 người con được hưởng bằng nhau. Về công sức gìn giữ tôn tạo di sản phía ông Đ3 không có yêu cầu nên nguyên đơn không có ý kiến. Nếu Tòa án có xem xét về công sức của ông Đ3 thì giải quyết theo quy định pháp luật. Về kết quả định giá có trong hồ sơ do tiến hành định giá năm 2011, đến nay giá đất có biến động phía nguyên đơn yêu cầu xác định giá tại thời điểm thi hành án và nhận tiền.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù không có chứng cứ nào thể hiện căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G đã được chia nhưng tại Biên bản làm việc ngày 19/02/2004 các ông bà L, Qua, Thôn được hưởng phần chia của căn nhà số 105/26/1 Đường N4, phường 7, Quận G. Bà Đ1 cũng được cha mẹ cho một phần diện tích đất khác. Do đó, căn nhà này được xác định là phần chia của ông Đ3 nên không chấp nhận chia cho các đồng thừa kế khác. Về giá trị nhà đất ông không có ý kiến. Nếu Tòa án xác định căn nhà là tài sản chung thì ông có yêu cầu xem xét công sức gìn giữ tôn tạo di sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Dương Văn T3 xác nhận đã được nhận phần chia của căn nhà số 105/26/1 Đường N4, phường 7, Quận G. Nếu Tòa án giải quyết ông được nhận phần chia của căn nhà số 105/26/1A

Đường N4, phường 7, Quận G thì ông tự nguyện giao lại phần này cho ông Đ3 chứ không lấy.

Bà Hà Thị Đ5 và Dương Tuấn N2 giữ nguyên ý kiến như tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng đúng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung kháng cáo: Xét kháng cáo của bị đơn nhận thấy;

Căn nhà số 147/13A Đường N4, phường 7, Quận G là di sản của ông Dương Văn T4 – bà Trần Thị N3, được ông Đ3 đại diện thừa kế tách thành 02 căn là nhà số 105/26/1 và nhà số 106/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Ngày 19/02/2004, các đồng thừa kế đã thỏa thuận phân chia căn nhà số 105/26/1 còn căn nhà số 106/26/1A không thỏa thuận và cũng không có ý kiến gì. Ông Đ3 cho rằng căn nhà này các đồng thừa kế đã đồng ý để lại cho gia đình ông nhưng không có chứng cứ chứng minh. Biên bản thỏa thuận ngày 19/02/2004 cũng không thể hiện phân chia căn nhà này. Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn nhà là tài sản chung chưa chia là có căn cứ, kháng cáo của ông Đ3 về nội dung này không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên khi phân chia tài sản chung, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét công sức ông Đ3 trong việc quản lý, giữ gìn di sản thừa kế mà lại chia đều giá trị quyền sử dụng đất cho 05 người thừa kế là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ3. Do đó, cấp phúc thẩm cần xem xét và làm rõ chia cho ông Đ3 được hưởng 2/6 di sản còn các thừa kế còn lại mỗi người được hưởng 1/6 di sản. Ghi nhận sự tự nguyện ông T3 giao lại kỷ phần được hưởng cho ông Đ3.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ3, sửa một phần án sơ thẩm. Án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Bị đơn ông Dương Văn Đ3 chết ngày 14/9/2016 (vợ ông Đ3 đã chết trước ông Đ3); căn cứ khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự thì các con ông Đ3 là Dương Hoàng V, Dương Hoàng Đ4 kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ3.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bà Dương Thị L, ông Dương Văn Q, ông Dương Hoàng Đ4, bà Châu Phi Phượng, bà Dương Hà Quỳnh N vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

Xét kháng cáo của ông Dương Văn Đ3; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời khai các đương sự trong vụ án đều thống nhất: cha mẹ của các ông bà là ông Dương Văn T4 (chết năm 1946) – bà Trần Thị N3 (chết năm 2001) có tất cả 05 người con chung là Dương Thị L, Dương Văn Đ3, Dương Văn T3, Dương Văn Q, Dương Thị Đ1. Lúc còn sống, ông T4 và bà N3 có tạo lập được tài sản là căn nhà số 147/13A Đường N4, phường 7, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi chết ông bà không để lại di chúc. Năm 2003, ông Dương Văn Đ3 đại diện cho các đồng thừa kế kê khai di sản thừa kế, căn nhà nêu trên được tách thành 02 căn là nhà số 105/26/1A và nhà số 105/26/1 Đường N4, phường 7, Quận G. Hai căn nhà này đã được UBND quận G cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 24/6/2003 và ngày 27/11/2003 đều do ông Đ3 đại diện thừa kế đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở và đang quản lý sử dụng.

Ngày 19/02/2004, tại UBND phường 7, quận G các đồng thừa kế của ông T4 – bà N3 đã lập văn bản thỏa thuận phân chia căn nhà số 105/26/1 Đường N4, phường 7, Quận G. Nội dung văn bản thể hiện căn nhà số 105/26/1 Đường N4, phường 7, Quận G được chia hiện vật cho bà L (bà L cho lại con Dương Thị Lê T5), ông Q, ông T3 cùng sử dụng, không có ai tranh chấp nhà, đất này.

Ngày 10/01/2010, bà Dương Thị Đ1 khởi kiện yêu cầu chia di sản đối với căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của UBND Quận G cấp ngày 24/6/2003. Bà Đ1, bà L, ông Q, ông T3 đều thừa nhận phần xây dựng nhà đang tranh chấp là của gia đình ông Đ3, chỉ yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất tại căn nhà trên cho 05 đồng thừa kế, mỗi người được hưởng 1/5. Ông Dương Văn Đ3 không đồng ý yêu cầu của bà Đ1 và cho rằng năm 2004 khi phân chia di sản của cha mẹ để lại, các đồng thừa kế của ông T4 – bà N3 ngầm hiểu căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G chia cho ông Dương Văn Đ3 thụ hưởng nên ông Đ3 không yêu cầu ghi vào biên bản thỏa thuận.

Xét thấy, tại Biên bản làm việc ngày 19/02/2004 do UBND phường 7, quận G lập chỉ thể hiện các bên thỏa thuận phân chia đối với căn nhà số 105/26/1 Đường N4, phường 7, Quận G còn căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7,

Quận G chưa được các bên thỏa thuận phân chia. Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Đ3 đã được các anh chị em trong gia đình chia cho ông căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn nhà 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G là tài sản chung chưa chia của các đồng thừa kế gồm bà Đ1, bà L, ông Q, ông T3, ông Đ3 là có căn cứ.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì các đồng thừa kế đều thừa nhận ông Đ3 là người trực tiếp quản lý, sử dụng, gìn giữ tôn tạo di sản từ trước đến nay, là người kê khai di sản thừa kế nhưng khi chia tài sản chung Tòa án cấp sơ thẩm chia đều giá trị quyền sử dụng đất của căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G cho cả 05 người thừa kế là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ3, chưa phù hợp với quy định pháp luật. Do ông Đ3 có nhiều công sức trong việc quản lý, gìn giữ tôn tạo di sản nên cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm, chia ông Đ3 được hưởng thêm công sức quản lý, gìn giữ di sản bằng một kỷ phần thừa kế là phù hợp. Ý kiến của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Đ3 yêu cầu giải quyết công sức bảo quản di sản bằng 99% giá trị di sản là không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, di sản là giá trị quyền sử dụng đất tại căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G được chia thành 6 kỷ phần. Bà Đ1, ông Q, bà L mỗi người được nhận 1 kỷ phần. Ông Đ3 được nhận 2 kỷ phần. Ông T3 tự nguyện giao lại kỷ phần cho ông Đ3 được hưởng. Xét, sự tự nguyện của ông T3 không trái quy định pháp luật nên ông Đ3 được nhận 3 kỷ phần thừa kế. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7210/2003 của UBND Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/6/2003 thì phần đất tại căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G có diện tích 136.03m², mỗi kỷ phần thừa kế được nhận tương ứng với 22,67m² đất ở.

Về kết quả định giá: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành định giá tài sản vào ngày 20/5/2011, đến nay giá trị tài sản có biến động, phía nguyên đơn yêu cầu xác định giá tại thời điểm thi hành án, bị đơn không có ý kiến về giá trị tài sản. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật bảo đảm quyền lợi của các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo kết quả xác minh của Công an phường 7, quận G thì tại căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G có 05 nhân khẩu gồm ông Đ3, con trai, con dâu và 02 cháu nội ông Đ3 sinh sống. Hiện tại gia đình con trai ông Đ3 cũng đang sinh sống tại đây. Bà Đ1, bà L, ông Q chỉ yêu cầu được nhận tiền. Xét gia đình ông Đ3 ở tại căn nhà này từ trước đến nay, để đảm bảo sự ổn định và quyền lợi của gia đình nghĩ nên giao ông Đ3 có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là ông Dương Hoàng V, Dương Hoàng Đ4 được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu nhà, đất số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G sau khi thanh toán kỷ phần được hưởng cho bà Đ1, bà L, ông Q mỗi người được nhận

1/6 giá trị quyền sử dụng đất tại nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G theo giá tại thời điểm thi hành án.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận như đã nhận định, phân tích ở trên.

Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: các ông bà được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp cho bà Dương Thị Đ1, bà Dương Thị L, ông Dương Văn Q. Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp cho ông Dương Văn Đ3.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 214, 215, 224, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 618, Điều 620 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Án lệ 05/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Dương Văn Đ3; sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Đ1, một phần yêu cầu độc lập của bà Dương Thị L, ông Dương Văn Q:

1. Xác định giá trị quyền sử dụng đất tại căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7210/2003 của UBND Quận G, TP.HCM cấp ngày 24/6/2003 cho ông Dương Văn Đ3 đại diện thừa kế của ông Dương Văn T4 và bà Trần Thị N3 là tài sản chung của các ông bà Dương Thị Đ1, Dương Văn Đ3, Dương Thị L, Dương Văn Q, Dương Văn T3.

Ghi nhận giá trị phần xây dựng của căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Dương Văn Đ3.

Ghi nhận ông Dương Văn T3 tự nguyện giao 01 kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Dương Văn Đ3.

2. Ông Dương Văn Đ3 có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Dương Hoàng V, Dương Hoàng Đ4 có trách nhiệm thanh toán cho bà Dương Thị Đ1, bà Dương Thị L, ông Dương Văn Q mỗi người số tiền trị giá 1/6 quyền

sử dụng đất ở tương ứng với 22,67m² đất tại căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G theo giá tại thời điểm thi hành án.

Thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi thanh toán xong cho bà Đ1, bà L, ông Q; ông Dương Văn Đ3 có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Dương Hoàng V, Dương Hoàng Đ4 được toàn quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G và được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp ông Dương Văn Đ3 có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Dương Hoàng V, Dương Hoàng Đ4 không tự nguyện thi hành án thì bà Dương Thị Đ1, bà Dương Thị L, ông Dương Văn Q được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền đấu giá tài sản là nhà, đất số 105/26/1A Đường N4, phường 7, Quận G để nhận 1/6 giá trị quyền sử dụng đất ở tương ứng với 22,67m² đất sau khi trừ chi phí đấu giá tài sản và các chi phí khác (nếu có).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án nếu chưa thực hiện xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 của số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị Đ1, bà Dương Thị L, ông Dương Văn Q, ông Dương Văn Đ3 được miễn.

Trả lại cho bà Dương Thị Đ1 tiền tạm ứng án phí 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 001320 ngày 07/4/2010 và tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2010/08218 ngày 06/7/2011 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho bà Dương Thị L tiền tạm ứng án phí 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2010/08519 ngày 29/8/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho ông Dương Văn Q tiền tạm ứng án phí 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2010/08518 ngày 29/8/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho ông Dương Văn Đ3 tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số AD/2012/01858 ngày 18/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận G, TPHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

